

KHOA XÉT NGHIỆM -  
CDHA & TDCN



**PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM**

Số: 258... / KSBT – XN-CDHA&TDCN.

- Tên khách hàng: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ – XÂY DỰNG  
CẤP THOÁT NƯỚC SUỐI DÀU**
- Địa chỉ: 58 Yersin – Phường Sài – Nha Trang – Khánh Hòa
- Mã số mẫu: 22225HD
- Loại mẫu: Nước sạch dùng cho mục đích sinh hoạt
- Vị trí lấy mẫu: Tại nhà máy
- Mô tả mẫu: 04 lít đựng trong chai nhựa PE làm Hóa và 01 lít đựng trong chai thủy tinh vô khuẩn làm Vi sinh
- Ngày lấy mẫu: 01/4/2025
- Ngày nhận mẫu: 01/4/2025
- Thời gian kiểm nghiệm: 01/4/2025 đến 02/4/2025
- Ngày hẹn trả kết quả: 14/4/2025
- Kết quả kiểm nghiệm: Xem trang 2/2

Khánh Hòa, ngày 04 tháng 4 năm 2025

TRƯỞNG KHOA

Ths. Trương Thị Lan Anh

KT. GIÁM ĐỐC

**PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Tôn Thất Toàn**

- Kết quả này chỉ có giá trị trên mẫu được kiểm nghiệm.
- Không được trích sao một phần của kết quả này nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của giám đốc trung tâm
- Hết thời gian lưu mẫu Trung tâm không chịu trách nhiệm về việc khiếu nại kết quả kiểm nghiệm của khách hàng.
- Để biết thêm thông tin, xin liên hệ: Khoa Xét nghiệm - CDHA & TDCN, địa chỉ: 04 Quang Trung – Nha Trang – Khánh Hòa. Điện thoại: 0258.3560.811



TT	Tên chỉ tiêu Xét nghiệm/Đơn vị tính	Phương pháp	Kết quả	Giới hạn cho phép (**)
1	Định lượng Coliforms tổng số <sup>(*)</sup> Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 3
2	Định lượng E.Coli <sup>(*)</sup> Phương pháp màng lọc	TCVN 6187-1:2019	0	< 1
3	Clo dư tự do (mg/L) <sup>(*)</sup>	HACH 58700-00 Colorimeter	0,8	Trong khoảng 0,2-1,0
4	Độ đục (NTU) <sup>(*)</sup>	TCVN 12402-1:2020	0,16	2
5	Màu sắc (TCU) <sup>(*)</sup>	HACH 8025:2014	KPH LOD=1,7	15
6	Mùi, vị <sup>(*)</sup>	QTKT-HNMV-09:2003 (Ref.SMEWW 2150:2023) QTKT-HNMV-10:2003 (Ref.SMEWW 2160:2023)	Không phát hiện mùi Không phát hiện vị	Không có mùi, vị lạ
7	pH <sup>(*)</sup>	TCVN 6492:2011	7,01	Trong khoảng 6,0-8,5
8	Amoni (NH <sub>3</sub> và NH <sub>4</sub> tính theo N) (mg/L)	HACH 8038:2017	KPH	0,3
9	Chỉ số Pecmanganat (mg/L)	TCVN 6186:1996	0,5	2
10	Chloride (Cl <sup>-</sup> ) (mg/L)	TCVN 6194:1996	10,7	250
11	Độ cứng, tính theo CaCO <sub>3</sub> (mg/L)	TCVN 6224:1996	10	300
12	Mangan (mg/L)	HACH 8149:2014	0,001	0,1
13	Nitrat (NO <sub>3</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (mg/L)	HACH 8039:2014	0,4	2
14	Nitrit (NO <sub>2</sub> <sup>-</sup> tính theo N) (mg/L)	HACH 8507:2015	0,003	0,05
15	Sắt (Ferrum) (Fe) (mg/L)	HACH 8147:2014	0,010	0,3
16	Sunphat (mg/L)	HACH 8051:2014	KPH	250

**Ghi chú:**

KPH: không phát hiện

LOD: Giới hạn cho phép

<sup>(\*)</sup>: Chỉ tiêu đã được VILAS công nhận

<sup>(\*\*)</sup>: Giới hạn cho phép theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước sạch (QCVN 01 - 1 : 2018/BYT)